TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **115**/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 24 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Quốc H.**, sinh năm 1981; Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị M.,** sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Bùi Quốc H.** và chị **Nguyễn Thị M..**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Giao cháu Bùi Xuân L, sinh ngày 25/02/2008 cho anh Bùi Quốc H. là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị M.

không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Bùi Quốc H. và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Đối với cháu Bùi Thị Mỹ T, sinh ngày 02/12/2005 đã trưởng thành trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên anh Bùi Quốc H. và chị Nguyễn Thị M. không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Quốc H. và chị Nguyễn Thị M. đều xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Bùi Quốc H. và chị Nguyễn Thị M. đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Quốc H. phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Hoàn đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0000655 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001101033, ngày 05/4/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam. Trả lại cho anh Bùi Quốc H. số tiền chênh lệnh là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị M. không phải nộp tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyên SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã V. (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến